

Số: 42 /2008/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 05 tháng 8 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý giống vật nuôi
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;
Căn cứ Pháp lệnh Giống vật nuôi ngày 24/3/2004;
Căn cứ Quyết định số 07/2005/QĐ-BNN ngày 31/01/2005 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc ban hành Quy định về quản lý và sử dụng heo đực giống;
Căn cứ Quyết định số 66/2005/QĐ-BNN ngày 31/10/2005 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc ban hành Quy định về quản lý và sử dụng bò đực giống;
Căn cứ Quyết định số 13/2007/QĐ-BNN ngày 09/02/2007 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc ban hành Quy định về quản lý và sử dụng trâu đực giống;
Căn cứ Quyết định số 108/2007/QĐ-BNN ngày 31/12/2007 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc ban hành Quy định về quản lý và sử dụng dê đực giống;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT tại Công văn số 790/TTr-SNN ngày 30/7/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý giống vật nuôi trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.

Điều 2. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, Thủ trưởng các các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- VPCP, Bộ NN&PTNT;
- Cục KTVP (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, Sở Tư pháp;
- Như điều 2;
- TTTH, TT Công báo tỉnh;
- LĐVP, CV: SX (T145);
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

1C. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Văn Danh



QUY ĐỊNH

Về quản lý giống vật nuôi trên địa bàn tỉnh Bình Phước
(Ban hành kèm theo Quyết định số **42** /2008/QĐ-UBND
ngày **05** tháng **8** năm 2008 của UBND tỉnh Bình Phước)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Quy định này được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức cá nhân nước ngoài nuôi gia súc như: heo, bò, trâu, dê giống tại tỉnh Bình Phước để sản xuất tinh lỏng sử dụng trong thụ tinh nhân tạo hoặc để phối giống trực tiếp (sau đây gọi là cơ sở nuôi đực giống gia súc).

Điều 2. Cơ sở nuôi đực giống gia súc phải thực hiện đúng các quy định trong Pháp lệnh giống vật nuôi và các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: về công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hóa chuyên ngành nông nghiệp; theo danh mục hàng hóa giống vật nuôi phải công bố tiêu chuẩn chất lượng và các quy định khác về quản lý giống vật nuôi.

Điều 3. Các thuật ngữ dùng trong Quy định này được hiểu như sau:

1. Cơ sở nuôi đực giống gia súc là nơi nuôi: trâu, bò, dê và heo đực để sản xuất tinh sử dụng thụ tinh nhân tạo hoặc phối giống trực tiếp.
2. Chứng chỉ chất lượng giống là văn bản của Sở Nông nghiệp & PTNT tỉnh chứng nhận phẩm cấp giống đối với gia súc giống.

Chương II
QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐỰC GIỐNG GIA SÚC

Điều 4. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh gia súc giống phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về lĩnh vực giống vật nuôi;
2. Có địa điểm sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi phù hợp với quy hoạch của ngành Nông nghiệp và phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật về thú y và pháp luật về bảo vệ môi trường;
3. Có cơ sở vật chất và trang, thiết bị kỹ thuật phù hợp với việc sản xuất, kinh doanh với từng loại vật nuôi và từng phẩm cấp giống;
4. Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật có bằng đại học chuyên ngành chăn nuôi thú y nếu sản xuất, kinh doanh đàn giống bố mẹ, giống thương phẩm;
5. Có hồ sơ theo dõi giống theo quy định.



Điều 5. Hàng năm cơ sở nuôi đực giống gia súc phải thực hiện bình tuyến, giám định và loại thải những con không đủ tiêu chuẩn giống. Các cơ sở nuôi gia súc giống phải báo cáo định kỳ sáu tháng 1 lần về chất lượng gia súc giống, chất lượng tinh, kết quả sản xuất và tiêu thụ tinh với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 6. Đực giống gia súc phải được tiêm phòng định kỳ vắc xin phòng bệnh, phải được kiểm tra huyết thanh các bệnh truyền nhiễm theo quy định của ngành Thú y. Nghiêm cấm khai thác tinh, lưu hành và sử dụng tinh dịch gia súc giống đang bị bệnh.

Chương III **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐỰC GIỐNG GIA SÚC** **ĐỂ THỤ TINH NHÂN TẠO**

Điều 7. Các tổ chức, cá nhân, các hộ sản xuất và kinh doanh đực giống gia súc để thụ tinh nhân tạo phải đảm bảo thực hiện các quy định chung nêu tại Điều 1, Điều 2, Điều 3 của Quy định này, ngoài ra phải bảo đảm các điều kiện sau đây:

1. Đực giống gia súc phải có lý lịch rõ ràng, kèm theo phiếu kiểm dịch Thú y, chứng chỉ chất lượng giống do Sở Nông nghiệp & PTNT cấp. Riêng bò và dê đực giống phải có lý lịch ba đời. Mỗi đực giống đều được đánh số và vào sổ theo dõi theo quy định.

2. Chuồng trại phải bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn vệ sinh Thú y và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về Thú y và pháp luật Bảo vệ môi trường.

3. Diện tích chuồng trại

a. Đối với heo đực giống diện tích chuồng tối thiểu $5\text{m}^2/\text{con}$ đối với giống nội, $6\text{m}^2/\text{con}$ đối với giống ngoại.

b. Đối với bò đực giống diện tích chuồng tối thiểu $10\text{m}^2/\text{con}$ và sân chơi $15\text{-}20\text{m}^2/\text{con}$.

c. Đối với trâu đực giống diện tích chuồng tối thiểu $6\text{m}^2/\text{con}$ (không bao gồm diện tích máng ăn, máng uống) và sân chơi $10\text{-}15\text{m}^2/\text{con}$.

d. Đối với dê đực giống diện tích chuồng tối thiểu $2,5\text{m}^2/\text{con}$ (không bao gồm diện tích máng ăn, máng uống) và sân chơi không dưới $5\text{m}^2/\text{con}$.

4. Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật đã qua đào tạo và được Sở Nông nghiệp & PTNT cấp giấy chứng nhận về kỹ thuật khai thác, pha chế. Đối với chủ cơ sở nuôi trâu đực, bò đực giống phải có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật có bằng Đại học chuyên ngành chăn nuôi thú y; đối với chủ cơ sở nuôi heo đực, dê đực giống phải có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật có trình độ từ Trung cấp chăn nuôi thú y trở lên và được đào tạo cấp chứng chỉ về kỹ thuật khai thác, pha chế, bảo quản và vận chuyển tinh dịch.

5. Có sổ tay theo dõi chất lượng tinh, đủ trang thiết bị và vật tư chuyên ngành phục vụ cho kiểm tra, đánh giá chất lượng tinh, pha chế và bảo quản tinh.

6. Trong thời gian khai thác tinh, đực giống phải được theo dõi và kiểm tra định kỳ mỗi tháng một lần về chỉ tiêu tỷ lệ tinh trùng kỳ hình (K). Mỗi lần khai thác tinh phải kiểm tra các chỉ tiêu: màu sắc, mùi, lượng xuất tinh (V), hoạt lực của tinh trùng (A), nồng độ tinh trùng (C) và độ pH. Kết quả kiểm tra chất lượng tinh phải được ghi chép đầy đủ, chính xác vào sổ, biểu mẫu theo quy định (phụ lục 1).

7. Việc lấy tinh, pha chế, kiểm tra chất lượng, bảo tồn, phân phối, vận chuyển tinh phải thực hiện theo các quy định tại quy trình kỹ thuật thụ tinh nhân tạo do Bộ Nông nghiệp & PTNT ban hành.

8. Số lần khai thác tinh

a. Đối với heo đực giống: số lần khai thác tinh không quá 2 lần/tuần đối với heo đực giống dưới 2 năm tuổi và không quá 3 lần đối với heo đực giống trên 2 năm tuổi. Tuổi bắt đầu khai thác tinh heo đực giống không ít hơn 8 tháng tuổi đối với heo nội, 10 tháng đối với heo ngoại và thời gian sử dụng không quá 3 năm rưỡi.

b. Đối với bò đực giống số lần khai thác tinh không quá 3 lần/tuần, tuổi bắt đầu khai thác và sử dụng tinh của bò đực giống không ít hơn 24 tháng tuổi và thời gian sử dụng không quá 5 năm.

c. Đối với trâu đực giống số lần khai thác và sử dụng tinh trâu đực giống từ 36 tháng trở lên và thời gian sử dụng không quá 6 năm. Số lần khai thác tinh không quá 3 lần/tuần.

d. Đối với dê đực giống số lần khai thác tinh không quá 3 lần/tuần; tuổi bắt đầu khai thác, sử dụng tinh của dê đực giống nội, dê lai là không ít hơn 12 tháng tuổi; dê đực giống ngoại không ít hơn 15 tháng tuổi; thời gian sử dụng không quá 4 năm.

Chương IV **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐỰC GIỐNG GIA SÚC** **ĐỂ PHỐI GIỐNG TRỰC TIẾP**

Điều 8. Các tổ chức, cá nhân, các hộ sản xuất và kinh doanh đực giống gia súc để phối giống trực tiếp phải bảo đảm thực hiện các quy định chung nêu tại Điều 1, Điều 2, Điều 3, Điều 4 của Quy định này, ngoài ra còn phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Hàng năm cơ sở nuôi gia súc là trâu đực giống sử dụng để phối giống trực tiếp phải được phòng Nông nghiệp & PTNT huyện, phòng Kinh tế thị xã chọn lọc, bình tuyển từ đàn gia súc địa phương có năng suất cao, chất lượng tốt, khỏe mạnh và có lý lịch rõ ràng. Đối với gia súc là: heo, bò giống để phối giống trực tiếp phải được sản xuất từ cơ sở giống đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Quy định này, có lý lịch rõ ràng, phiếu kiểm dịch Thú y, chứng chỉ chất lượng giống do phòng Nông nghiệp & PTNT huyện, phòng Kinh tế thị xã cấp và được người chăn nuôi đăng ký với UBND cấp xã nơi có cơ sở chăn nuôi.

2. Đực giống gia súc dùng để phối giống trực tiếp không được sử dụng quá 3 lần/tuần. Riêng trâu đực giống thả ở bãi tự nhiên cơ cấu đàn đảm bảo tỷ lệ 1 đực/20 cái.

3. Tuổi phối giống và thời gian sử dụng

a. Đối với heo đực giống tuổi bắt đầu dùng để phối giống trực tiếp không ít hơn 8 tháng tuổi đối với heo nội, 10 tháng tuổi đối với heo ngoại và thời gian sử dụng không quá 3 năm.

b. Đối với trâu đực giống tuổi bắt đầu dùng để phối giống trực tiếp không ít hơn 16 tháng tuổi đối với bò lai, 18 tháng tuổi đối với bò ngoại và thời gian sử dụng không quá 5 năm.

c. Đối với bò đực giống tuổi bắt đầu phối giống trực tiếp từ 36 tháng tuổi trở lên và thời gian sử dụng không quá 6 năm.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI CHĂN NUÔI GIA SÚC GIỐNG

Điều 9. Phân cấp quản lý nhà nước đối với cơ sở nuôi gia súc giống

1. Sở Nông nghiệp & PTNT có trách nhiệm quản lý đực giống gia súc dùng để thụ tinh nhân tạo:

a. Quản lý nhà nước về chất lượng trên toàn tỉnh và cấp chứng chỉ chất lượng giống cho cơ sở chăn nuôi giống gia súc để thụ tinh nhân tạo.

b. Hàng năm tổ chức thực hiện giám định, bình tuyển giống để thụ tinh nhân tạo trên phạm vi toàn tỉnh.

c. Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy định quản lý và sử dụng đực giống gia súc của các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn tỉnh do tỉnh quản lý.

d. Định kỳ báo cáo Bộ Nông nghiệp & PTNT, UBND tỉnh một lần/năm vào tháng 11 hàng năm.

2. Phòng Nông nghiệp & PTNT các huyện, phòng Kinh tế thị xã có trách nhiệm quản lý đực giống gia súc phối giống trực tiếp:

a. Quản lý nhà nước đối với chất lượng gia súc giống tại cơ sở chăn nuôi giống gia súc để phối giống trực tiếp trên địa bàn huyện, thị xã;

b. Chủ động phối hợp với UBND cấp xã tổ chức, hướng dẫn đăng ký gia súc đực giống tại cơ sở chăn nuôi.

c. Tổ chức việc thực hiện giám định, bình tuyển và cấp chứng chỉ chất lượng đực giống gia súc để phối giống trực tiếp trên địa bàn.

d. Định kỳ báo cáo về UBND huyện, Sở Nông nghiệp & PTNT về công tác quản lý nhà nước về chất lượng đực giống gia súc trên địa bàn vào tháng 10 hàng năm.

3. Đối với UBND các xã, phường, thị trấn:

a. Kiểm tra, giám sát các cơ sở nuôi đực giống gia súc trên địa bàn chấp hành nghiêm chỉnh quy định này.

b. Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện, thị xã tổ chức kê khai, kiểm kê lập danh sách các hộ chăn nuôi gia súc giống và hoàn thiện về các thủ tục quản lý gia súc giống cho các hộ chăn nuôi; kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính trong công tác quản lý đực giống gia súc theo phân cấp.

Chương VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 10. Sở Nông nghiệp & PTNT có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện Quy định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp & PTNT để Sở Nông nghiệp & PTNT tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 11. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về quản lý, sử dụng giống vật nuôi sẽ bị xử lý theo quy định của Nghị định số 47/2005/NĐ-CP ngày 08/4/2005 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống vật nuôi và các quy định khác của Pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bui Văn Danh

Phụ lục 1:
Yêu cầu về thiết bị và dụng cụ sản xuất tinh dịch
trong trạm thụ tinh nhân tạo
(Đối với heo đực giống)

(Kèm theo Quyết định số 42/2008/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2008 của UBND tỉnh)

STT	Tên thiết bị, dụng cụ	Đơn vị tính	Số lượng đối với quy mô		
			4 - 30 con heo đực giống	31 - 50 con heo đực giống	51 - 100 con heo đực giống
Dụng cụ lấy tinh					
1	Giá nháy cho heo đực	Chiếc	1 - 2	2 - 3	3 - 5
2	Cốc đựng tinh	Chiếc	5 - 30	30 - 50	50 - 100
3	Khăn lọc tinh	Chiếc	5 - 30	30 - 50	50 - 100
4	Khăn sạch	Chiếc	5 - 30	30 - 50	50 - 100
5	Găng tay cao su	Đôi	5 - 30	30 - 50	50 - 100
6	Thảm cao su	Chiếc	2 - 5	5 - 10	7 - 15
Dụng cụ kiểm tra, đánh giá, pha loãng tinh dịch					
1	Kính hiển vi	Chiếc	1 - 2	3 - 5	5 - 6
2	Lamen	Chiếc	300 - 500	500 - 1000	1000 - 2000
3	Phiên kính	Chiếc	300 - 500	500 - 1000	1000 - 2000
4	Buồng đếm (hồng cầu, bạch cầu)	Chiếc	2	5 - 10	20 - 50
5	Máy đo pH (pH metter)	Chiếc	1	2 - 3	3 - 5
6	Cốc đong các loại	Chiếc	5 - 10	10 - 20	50 - 80
7	Bình tam giác	Chiếc	5 - 10	10 - 20	50 - 80
8	Ống hút (pipet) các loại	Chiếc	5 - 10	10 - 20	50 - 80
9	Đũa thủy tinh	Chiếc	5 - 10	10 - 20	50 - 80
10	Giấy lọc	Gói	10 - 50	30 - 50	70 - 100
11	Giấy quỳ tím	Gói	10 - 50	30 - 50	70 - 100
12	Cân điện tử	Chiếc	1	1 - 2	3 - 5
13	Giá để ống nghiệm	Chiếc	1	5	10
14	Ống nghiệm	Chiếc	100 - 300	500 - 700	1000 - 1500
15	Máy khuấy từ tự làm nóng môi trường pha chế tinh	Chiếc	1	1 - 2	3 - 5
16	Máy chưng cất nước 2 lần công suất 3 - 4 lít/giờ	Chiếc	1	1 - 2	3 - 5
17	Máy xác định tinh trùng quang phổ	Chiếc	1	1 - 2	3 - 5
Dụng cụ đóng gói và bảo tồn tinh dịch					
1	Lọ đựng tinh (hoặc túi nilon)	Chiếc	500 - 1000	1000 - 1500	1500 - 2000
2	Tủ lạnh	Chiếc	1	3	5
3	Tủ bảo ôn	Chiếc	1	3	5

	Các thiết bị dụng cụ rửa và khử trùng				
1	Bồn rửa bằng INOX	Chiếc	4 – 6	6 – 7	6 -10
2	Chổi lông các loại	Chiếc	5 – 10	10 – 15	15 – 20
3	Giá để dụng cụ sau khi rửa	Chiếc	3 – 5	5 – 7	7 -10
4	Xà phòng trung tính (hộp 5 lít)	Hộp	5 -10	10 -15	15 -20
5	Tủ sấy	Chiếc	1	2	3
6	Tủ đựng dụng cụ sau khi khử trùng	Chiếc	1	1	1
7	Ống khử trùng dẫn tinh quản	Chiếc	1	1	1
8	Đèn khử trùng	Chiếc	1	1	1